

Bản án số: 161/2021/HS-PT

Ngày 16-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Hải Vinh;

2. Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 287/TLPT-HS ngày 06/10/2021, đối với bị cáo Nguyễn Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2021/HS-ST ngày 20/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

Họ và tên bị cáo kháng cáo: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã TT, huyện HH, tỉnh Bắc Giang. Nghề nghiệp, chức vụ: Nguyên Chủ tịch UBND xã TT, hiện là cán bộ UBND xã TT; Trình độ văn hóa: Lớp 10/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Ngh và bà Nguyễn Thị X (đều đã chết); Có vợ là Văn Thị V, sinh năm 1966 và có 2 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1991.

Tiền án, tiền sự : Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có một số bị cáo, người tham gia tố tụng khác nhưng do không có kháng cáo và kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HH tiếp nhận hồ sơ vụ việc do Thanh tra huyện HH chuyển để xác minh theo Công văn số 1766/UBND-VP ngày 03/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện HH về việc xem xét trách nhiệm của ông Nguyễn Tiến D nguyên là thủ quỹ của Ủy ban nhân dân (UBND) xã TT giai đoạn 2011-2015 đã vi phạm nguyên tắc, không hạch toán qua sổ sách số tiền hơn 400.000.000 đồng (tiền của các hộ mua đất).

Quá trình điều tra xác định: Năm 2011, căn cứ nhu cầu thực tiễn của địa phương, Đảng ủy xã TT, huyện HH có chủ trương về việc đấu giá quyền sử dụng

đất tại 4 thôn trong xã là TH, ĐT, KB, TL và giao cho UBND xã TT báo cáo UBND huyện HH cùng các cơ quan liên quan liên xin ý kiến chỉ đạo về việc thực hiện các thủ tục trong việc đấu giá đất. Sau đó UBND huyện HH tiến hành tổ chức đấu giá 88 lô đất ở tại 4 thôn thuộc xã TT gồm: Thôn TH có 26 lô, thôn ĐT có 23 lô, thôn KB có 17 lô và thôn TL có 22 lô. Tại Quyết định số 5713/QĐ-UBND ngày 21/10/2011 của UBND huyện HH về việc phê duyệt mức tiền đặt cọc, lệ phí và bước giá làm cơ sở tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất tại 4 thôn trên có giao cho UBND xã TT thu và quản lý tiền đặt cọc của các đơn vị, cá nhân tham gia đấu giá. Việc đấu giá được UBND huyện HH tổ chức vào ba ngày trong tháng 11/2011 tại hội trường UBND xã TT. Tại Quyết định số 5713/QĐ-UBND ngày 21/10/2011 của UBND huyện HH về việc phê duyệt mức tiền đặt cọc, lệ phí và bước giá làm cơ sở tại Quyết định 6005 ngày 10/11/2011, Quyết định số 7750 ngày 05/12/2011 và Quyết định số 7543 ngày 21/12/2011 của UBND huyện HH về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở các thôn ĐT, TH, TL, KB, xã TT giao cho Chủ tịch UBND xã TT phối hợp với các phòng ban của huyện hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân nộp tiền trúng đấu giá vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Trong quá trình tổ chức, thực hiện các quyết định trên của UBND huyện HH, Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 ở thôn Đ, xã TT giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã TT giai đoạn năm 2011-2015 khai đã bàn với ông Trần Văn Ch, sinh năm 1960 ở thôn Đ, xã TT, huyện HH (thời điểm đó là Bí thư Đảng ủy xã TT) về chủ trương tự ý thu thêm số tiền 2.000.000 đồng đối với mỗi lô đất trúng đấu giá để lấy kinh phí cho việc nộp thuế trước bạ, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các lô đất trúng đấu giá và để cảm ơn những cá nhân, ban ngành có liên quan đến hoạt động định giá, đấu giá quyền sử dụng đất. Sau khi thống nhất, N khai ông Ch hoặc N chỉ đạo bằng lời nói tới Trưởng thôn của 4 thôn là ông Nguyễn Văn Nam, sinh năm 1958 trưởng thôn TH, ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1963 trưởng thôn TL, ông Đinh Văn D, sinh năm 1938 trưởng thôn ĐT, ông Nguyễn Văn S trưởng thôn KB (đã chết năm 2018) trực tiếp thu tiền của các cá nhân trúng đấu giá đất và nộp lại cho Nguyễn Tiến D, sinh năm 1971 ở thôn D, xã TT, huyện HH là thủ quỹ của Ủy ban nhân dân xã TT thời điểm đó.

Thực hiện chỉ đạo nêu trên, các trưởng thôn của 4 thôn TH, ĐT, KB, TL tiến hành thu tiền sử dụng đất và tiền thu thêm là 2.000.000 đồng/01 lô đất của các hộ trúng đấu giá đất. Quá trình thu tiền thì có cá nhân nộp đủ cả hai loại tiền trên, có cá nhân thì chưa nộp đủ; tuy nhiên, khi các thôn nộp lại tiền về Ủy ban nhân dân xã thì D đã tách riêng và khấu trừ luôn khoản tiền 2.000.000 đồng/01 lô đất thu thêm mà các cá nhân trúng đấu giá phải nộp, khoản tiền sử dụng đất còn thiếu thì các thôn tiếp tục thu của các cá nhân trúng đấu giá và nộp bổ sung sau. Tổng cộng Nguyễn Tiến D đã thu của 4 thôn được 172.000.000 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu đồng) của 86 lô đất trúng đấu giá (có 02 lô của gia đình ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1953 ở thôn TL, xã TT không phải nộp do đổi đất cho Ủy ban nhân xã xây trụ sở). Nguyễn Văn N đã chỉ đạo Nguyễn Tiến D và Văn Đức Ch, sinh năm 1969 ở thôn KB, xã TT là công chức tài chính, kế toán UBND xã không hạch toán qua sổ sách kế toán để nộp vào ngân sách của xã mà để ngoài sổ sách và giao cho Nguyễn Tiến D quản lý để chi cho các nội dung liên quan đến việc đấu giá đất theo

quy định và chi phí cho việc cảm ơn các cá nhân, ban ngành liên quan đến hoạt động định giá, đấu giá đất cũng như các hoạt động khác theo chỉ đạo của Nguyễn Văn N.

Trong quá trình chi tiêu số tiền 172.000.000 đồng, do vẫn thiếu tiền để chi phí nên N chỉ đạo Văn Đức Ch tổng hợp số tiền cần chi thêm cho các nội dung theo chủ trương chi trái quy định và chia đều cho số lô đất trúng đấu giá phải chịu. Sau khi tổng hợp, Ch đã tham mưu cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã về việc thu thêm của mỗi lô đất trúng đấu giá số tiền là 4.035.000 đồng (ngoài số tiền 2.000.000 đồng/01 lô đã thu) và giao cho Nguyễn Tiến D theo dõi, quản lý. Số tiền này chưa thu được nhưng theo chỉ đạo của Nguyễn Văn N nên Nguyễn Tiến D vẫn ứng tiền cho các cá nhân để chi tiêu. Từ năm 2011 đến năm 2013, D đã ứng chi tổng số tiền 398.100.000 đồng cho các cá nhân để chi tiêu. Năm 2013, Đảng ủy xã TT đã thành lập Tổ kiểm tra để kiểm tra công tác tham mưu thu, chi tài chính đối với Văn Đức Ch. Sau khi kiểm tra, Tổ kiểm tra đã không nhất trí với đề xuất của Ủy ban nhân dân xã về việc thu thêm số tiền 4.035.000 đồng/01 lô đất trúng đấu giá. Do vậy, Đảng ủy xã TT đã không đồng ý đối với đề xuất này của Ủy ban nhân dân xã nên chủ trương trên không thực hiện được.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định từ năm 2011 đến năm 2013, Nguyễn Tiến D đã ứng chi cho các cá nhân tổng số tiền 398.100.000 đồng, trong đó có số tiền 172.000.000 đồng thu của các hộ trúng đấu giá đất, cụ thể như sau:

- Văn Đức Ch nhận số tiền 224.600.000 đồng, trong đó nhận chi để nộp phí đấu giá đất năm 2011 tại Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp huyện HH 14.000.000 đồng, số tiền này Ch nộp lệ phí đấu giá đất tại Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp huyện HH. Số tiền còn lại Ch khai đưa cho N để chi cảm ơn các cá nhân, ban ngành liên quan đến hoạt động định giá, đấu giá quyền sử dụng đất năm 2011, chi phí cho lễ, tết và chi cho các hoạt động khác từ năm 2011 đến năm 2013.

- Nguyễn Văn N nhận của D số tiền 57.000.000 đồng, khai chi phí cho việc cảm ơn các cá nhân, ban ngành liên quan đến hoạt động định giá, đấu giá đất cũng như các hoạt động khác của Ủy ban nhân dân xã.

- Nguyễn Tiến D chi số tiền 69.700.000 đồng, trong đó có số tiền 4.400.000 đồng D chi để nộp phí đấu giá đất năm 2011 tại Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp huyện HH được hạch toán qua sổ sách kế toán của xã. Số tiền còn lại D khai đã đưa cho các cá nhân để đi cảm ơn.

- Ngô Văn H, sinh năm 1987 ở thôn TL, xã TT cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân xã TT giai đoạn 2011-2015 khai nhận chi số tiền 46.800.000 đồng để nộp thuế trước bạ, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các lô đất trúng đấu giá đất, nộp lệ phí chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các hộ có đất bị thu hồi để phục vụ dự án và các chi phí khác (H không nhớ cụ thể). Quá trình điều tra xác định H nộp thuế trước bạ 87 lô đất trúng đấu giá tại xã TT tại Chi cục thuế huyện HH với số tiền 34.989.000 đồng.

Trong tổng số tiền 398.100.000 đồng mà Nguyễn Tiến D chi và ứng chi cho các cá nhân theo chỉ đạo của Nguyễn Văn N thì có số tiền 172.000.000 đồng thu thêm của các cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất, số tiền 226.100.000 đồng D

lấy tiền cá nhân để ứng chi. Đối với các khoản tiền do các cá nhân trên ứng chi thì Văn Đức Ch đã trả lại cho Nguyễn Tiến D 121.950.000 đồng, còn lại 104.150.000 đồng chưa trả cho D (trong đó D chi 69.700.000 đồng). Trong các khoản chi thì có 53.389.000 đồng được Nguyễn Tiến D, Văn Đức Ch và anh Ngô Văn H sử dụng chi theo quy định của Nhà nước vào các nội dung: nộp phí đấu giá, nộp thuế trước bạ cho các lô trúng đấu giá, số tiền trên nằm trong số tiền 172.000.000 đồng thu thêm của các cá nhân trúng đấu giá. Số tiền còn lại được Nguyễn Văn N chi và chỉ đạo Văn Đức Ch và Nguyễn Tiến D chi cho quan hệ cảm ơn các cá nhân, ban, ngành cũng như hoạt động khác trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2013. Tuy nhiên, N, Ch, D không nhớ bản thân đã cảm ơn cho những ai.

Quá trình thu số tiền 172.000.000 đồng và chi tiêu số tiền 398.100.000 đồng thì N, Ch, D đã không hạch toán kê khai chi tiết, báo cáo công khai trước Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân xã TT. Mặt khác, khi được giao quản lý số tiền 172.000.000 đồng và ứng chi cho các cá nhân thì Nguyễn Tiến D đã không tách riêng khoản tiền này. Do vậy, đối với các nội dung chi, ứng chi theo chỉ đạo của Nguyễn Văn N thì D đã không nắm được các khoản chi đó lấy từ số tiền 172.000.000 đồng thu được hay trong số tiền cá nhân D ứng ra chi.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra làm việc với UBND huyện HH về việc năm 2011 có chủ trương thu 2.000.000 đồng/01 lô đất trúng đấu giá tại 4 thôn của xã TT hay không. Kết quả, UBND huyện xác định UBND xã TT chỉ được thu khoản tiền đặt cọc, tiền lệ phí đấu giá, tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất; việc thu thêm số tiền 2.000.000 đồng đối với mỗi lô đất là sai quy định.

Với nội dung nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2021/HS-ST ngày 20/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện HH đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Văn N 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Văn N đảm nhiệm chức vụ, cấm thực hiện công việc liên quan đến thu, chi liên quan lĩnh vực đất đai trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra bản án còn tuyên án và xử phạt đối với 02 bị cáo khác; về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/8/2021 bị cáo Nguyễn Văn N kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung là xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn N giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương kháng chiến; bản thân bị cáo là người đã tham gia quân đội nhân dân Việt Nam và được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp: 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, 500.000đ tiền án

phí dân sự sơ thẩm và 10.000.000đ tiền trách nhiệm dân sự như bản án sơ thẩm đã tuyên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình và nội dung kháng cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N. Đề nghị HĐXX giữ nguyên mức hình phạt 16 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn N không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N được làm trong thời hạn kháng cáo và đã nộp theo đúng quy định tại Điều 333 BLTTHS nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét hành vi của các bị cáo: Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, đã đủ cơ sở xác định: Lợi dụng việc UBND huyện HH tổ chức đấu giá 88 lô đất ở tại 4 thôn của xã TT là thôn KB, thôn TH, thôn ĐT và thôn TL vào năm 2011, Nguyễn Văn N là Chủ tịch UBND xã TT đã tự ý đưa ra chủ trương và bàn bạc với Nguyễn Tiến D là thủ quỹ, Văn Đức Ch là công chức kế toán, tài chính thuộc UBND xã TT thu tiền của các hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất với mức thu 2.000.000 đồng/01 lô đất, trong đó có tiền lệ phí trước bạ, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Nhà nước và khoản tiền thu trái quy định, mục đích để lấy kinh phí chi tiêu. Thông qua Trưởng thôn của các thôn có đất đấu giá, N và các đồng phạm đã thu được 172.000.000 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu đồng), trong đó có 53.389.000 đồng được sử dụng chi theo quy định của Nhà nước vào các nội dung: nộp phí đấu giá, nộp lệ phí trước bạ cho các lô trúng đấu giá. Số tiền còn lại 118.611.000 đồng (một trăm mười tám triệu, sáu trăm mười một nghìn đồng) là tiền thu trái quy định, không được hạch toán vào ngân sách nhà nước, tuy không chiếm đoạt để sử dụng cho mục đích cá nhân nhưng đã gây thiệt hại cho các hộ dân trúng đấu giá đất. Do đó hành vi của các bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã

thu thập có trong hồ sơ, diễn biến tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm đã xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N, HĐXX thấy:

[3.1]. Xét về tình tiết tăng nặng: Ngoài các tình tiết định tội và định khung hình phạt, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong quá trình công tác, bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen và có bố đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ thể hiện: Bị cáo là người đã tham gia quân đội nhân dân Việt Nam và được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp: 10.000.000đ tiền trách nhiệm dân sự và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, 500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HH nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[3.3]. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có nơi cư trú ổn định, cụ thể, rõ ràng. Căn cứ vào Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách như ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa phúc thẩm đã đề nghị là có căn cứ.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N, sửa bản án sơ thẩm: Giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Căn cứ khoản 1, 4 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Văn N 16 (mười sáu) tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 32 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện HH, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Cấm bị cáo Nguyễn Văn N đảm nhiệm chức vụ, cấm thực hiện công việc liên quan đến thu, chi liên quan lĩnh vực đất đai trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo qui định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[2]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Xử lý tiền trách nhiệm dân sự; án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn N đã nộp đủ: 10.000.000 đồng tiền trách nhiệm dân sự theo biên lai thu số 0001548 ngày 14/9/2021 và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, 500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0003107 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện HH;
- Chi cục THADS huyện HH;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Nâu